

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019**

Hà Nội - Tháng 05 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	3- 4
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	7 - 37

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31/03/2019.

#### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONGHONG JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt là : SONGHONG CORP

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Trần Anh Tài	Trưởng ban kiểm soát
	Ông Cao Tiến Trung	Thành viên
	Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên - Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 31/12/2017
Kế toán trưởng	Bà Nguyễn Thị Nhung	

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán quý 3 kết thúc ngày 31/03/2019.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lã Tuấn Hưng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2019

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

	MS	TM	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>958,074,153,287</b>	<b>962,995,139,271</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>10,526,161,046</b>	<b>10,548,635,463</b>
1. Tiền	111		10,526,161,046	10,548,635,463
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>400,000,000</b>	<b>400,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400,000,000	400,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>512,198,906,389</b>	<b>514,906,462,294</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	194,936,507,005	212,922,366,159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	365,982,364,940	348,731,453,600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	195,070,818,959	197,043,427,050
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(248,036,356,153)	(248,036,356,153)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	4,245,571,638	4,245,571,638
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>417,255,747,767</b>	<b>417,948,254,340</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.8	417,255,747,767	417,948,254,340
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17,693,338,085</b>	<b>19,191,787,174</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	3,261,434,534	3,280,083,114
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14,330,547,182	13,331,297,551
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	101,356,369	2,580,406,509
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>506,283,596,490</b>	<b>507,931,501,900</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>299,616,365,275</b>	<b>299,216,365,275</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	299,616,365,275	299,216,365,275
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9,107,636,521</b>	<b>10,178,778,089</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	9,107,636,521	10,178,778,089
- Nguyên giá	222		78,996,398,848	78,996,398,848
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69,888,762,327)	(68,817,620,759)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		10,700,000	10,700,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,700,000)	(10,700,000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>56,257,899,457</b>	<b>56,257,899,457</b>
1. Nguyên giá	231		56,257,899,457	56,257,899,457
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.14</b>	<b>37,744,547,192</b>	<b>37,690,169,192</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		37,744,547,192	37,690,169,192
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.13</b>	<b>90,510,509,535</b>	<b>90,510,509,535</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		79,951,395,593	79,951,395,593
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12,259,113,942	12,259,113,942
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1,700,000,000)	(1,700,000,000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13,046,638,510</b>	<b>14,077,780,352</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	13,046,638,510	14,077,780,352
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1,464,357,749,777</b>	<b>1,470,926,641,171</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

	MS	TM	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,072,698,959,733</b>	<b>2,055,913,796,002</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,543,470,353,390</b>	<b>1,524,685,189,659</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	304,516,621,245	311,205,559,471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	149,913,004,806	150,418,841,761
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	28,915,081,098	26,934,534,163
4. Phải trả người lao động	314		16,409,224,902	16,572,705,778
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	623,221,559,938	600,992,059,938
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	120,082,590,079	118,149,217,226
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	300,194,663,414	300,194,663,414
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		217,607,908	217,607,908
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>529,228,606,343</b>	<b>531,228,606,343</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17	29,339,344,633	29,339,344,633
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	260,314,273,709	262,314,273,709
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	600,000,000	600,000,000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		238,974,988,001	238,974,988,001
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(608,341,209,956)</b>	<b>(584,987,154,831)</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.21	<b>(608,345,952,956)</b>	<b>(584,991,897,831)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270,000,000,000	270,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		270,000,000,000	270,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,126,376,429	24,126,376,429
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,072,018,933	1,072,018,933
4. Cổ phiếu quỹ	415		(390,000,000)	(390,000,000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		26,413,502,573	26,413,502,573
6. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		25,981,000	25,981,000
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6,158,136,532	6,158,136,532
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(915,148,805,047)	(891,923,309,548)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(891,923,309,548)	(557,959,438,823)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(23,225,495,499)	(333,963,870,725)
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(20,603,163,376)	(20,474,603,750)
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4,743,000</b>	<b>4,743,000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		4,743,000	4,743,000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,464,357,749,777</b>	<b>1,470,926,641,171</b>
(440 = 300+400)				

Người lập

*Thuy*

Nguyễn Diệu Thúy

Kế toán trưởng

*Thung*

Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội ngày 04 tháng 5 năm 2019

Tổng Giám đốc



*HP*  
La Tuấn Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 31/03/2019	đến 31/03/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	15,903,590,874	11,658,641,710
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		15,903,590,874	11,658,641,710
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	14,685,552,233	11,375,100,837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1,218,038,641	283,540,873
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	106,072,801	2,724,707,173
7. Chi phí tài chính	22	5.25	21,345,713,072	6,714,082,883
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21,345,713,072	6,714,082,883
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		14,492,950	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	1,000,000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	4,551,277,977	5,829,043,858
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(24,558,386,657)	(9,535,878,695)
12. Thu nhập khác	31	5.27	1,372,456,442	1,776,630,818
13. Chi phí khác	32	5.27	39,565,284	352,842,089
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1,332,891,158	1,423,788,729
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(23,225,495,499)	(8,112,089,966)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(23,225,495,499)	(8,112,089,966)

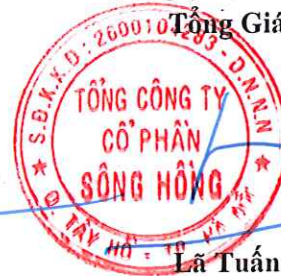
Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Diệu Thúy

Nguyễn Thị Nhung

Lê Tuấn Hưng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

Mẫu B 03-DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 31/03/2019	đến 31/03/2018
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(23,225,495,499)	(8,112,089,966)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1,071,141,568	1,460,673,360
- Các khoản dự phòng	03		(5,045,380,261)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(106,072,801)	(2,724,707,173)
- Chi phí lãi vay	06	21,860,000,000	6,714,082,883
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(400,426,732)	(7,707,421,157)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	3,892,550,757	(36,914,378,031)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	692,506,573	5,756,758,785
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(5,093,484,849)	62,256,956,855
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	1,049,790,422	164,383,173
- Tiền lãi vay đã trả	14	18,648,580	(1,996,467,545)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	159,584,751	21,559,832,080
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(54,378,000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6,500,000,000
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47,300,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(74,401,818)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7,620,893,100
5. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	878,458	218,725,963
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(53,499,542)	(33,034,782,755)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	(128,559,626)	65,219,780,000
3. Tiền thu từ đi vay	33		410,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(55,171,302,610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(128,559,626)	10,458,477,390
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(22,474,417)	(1,016,473,285)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10,548,635,463	28,636,117,391
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	10,526,161,046	27,619,644,106

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Thuy*

*Nhung*



Nguyễn Diệu Thúy

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONGHONG JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt là : SONGHONG CORP

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cầu cống, thủy điện, buro điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế, các công trình thêm lục địa, cảng sông, cảng biển; Xây dựng lắp đặt hệ thống nước y tế, khí sạch, thiết bị thí nghiệm, xử lý môi trường trong các công trình y tế;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên công ty, đơn vị</b>	<b>% sở hữu thực tế</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	65,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	66,31%
Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và Đô thị Sông Hồng	57,08%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100%
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>	
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	43,25%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	25,11%
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Sông Hồng	22,79%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	21%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 10	20%
Công ty Cổ phần sông Hồng 8	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sông Hồng 9	20%

<b>Các đơn vị trực thuộc:</b>	<b>Địa chỉ</b>
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6	Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Ban điều hành thi công gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội	Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ban quản lý dự án Khu nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Việt Nam	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

**2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2019.

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/03/2019, lỗ lũy kế (919,93) tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu (608,34) tỷ đồng nợ tín dụng xấu nên Tổng Công ty không đủ điều kiện về năng lực để tham gia các gói thầu nhằm tạo việc làm và nguồn tài chính cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên. Doanh thu và sản lượng chủ yếu của các công trình chuyển tiếp dở dang từ các năm trước chuyển sang có hiệu quả thấp, lãi vay lớn. Công ty mẹ và tổ hợp các Công ty thành viên vẫn tiếp tục mất khả năng thanh toán nghiêm trọng do nợ phải trả tiếp tục tăng từ phát sinh lãi vay phải trả cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, nợ phải trả liên quan đến các Nghĩa vụ bảo lãnh cho các Công ty con.

Để khắc phục tình trạng này, Ban Tổng Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Tái cơ cấu Tổng Công ty thông qua việc chuyển nhượng phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018.
- Quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.
- Tăng vốn điều lệ theo Phương án tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 270 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 63/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/08/2018 bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của Cổ đông lớn là Bộ Xây dựng, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty cổ phần ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên do chưa thu thập đầy đủ các Báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2017 nên tại báo cáo này, các khoản đầu tư được trình bày theo Phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	3,434,461,484	3,016,589,095
Tiền gửi ngân hàng	7,091,699,562	7,532,046,368
<b>Tổng</b>	<b>10,526,161,046</b>	<b>10,548,635,463</b>

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	400,000,000	400,000,000	400,000,000	400,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	-	-	-	-
Khoản đầu tư khác	400,000,000	400,000,000	400,000,000	400,000,000
<b>Tổng</b>	<b>400,000,000</b>	<b>400,000,000</b>	<b>400,000,000</b>	<b>400,000,000</b>

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thăng Long, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương (PGD Quán Thánh) theo các biên bản thỏa thuận quản lý tạm thời nguồn vốn giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>194,936,507,005</b>	<b>212,922,366,159</b>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	14,465,467,853	14,465,467,853
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	1,000,000	13,911,000,000
Tổng Công ty cảng Hàng không Việt Nam	11,502,373,219	11,502,373,219
Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Đô - Bộ Quốc Phòng	17,278,298,100	11,307,844,390
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	312,446,279	11,151,988,000
Các đối tượng khác	151,376,921,554	150,583,692,697
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>194,936,507,005</b>	<b>212,922,366,159</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
	<b>365,982,364,940</b>	<b>348,731,453,600</b>
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (Sông Hồng 24)	43,574,509,655	43,574,509,655
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126,390,086,131	126,390,086,131
Các đối tượng khác	196,017,769,154	178,766,857,814
<b>Tổng</b>	<b>365,982,364,940</b>	<b>348,731,453,600</b>

**5.5 Các khoản phải thu khác**

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	195,070,818,959	(81,522,666,440)	197,043,427,050	(81,597,566,440)
Tạm ứng	34,229,539,986	(5,133,684,018)	34,498,061,873	(5,208,684,018)
Phải thu về Cổ phần hóa	5,115,072,141	-	5,115,072,141	-
Ký cược, ký quỹ	209,188,415	-	209,188,415	-
Phải thu khác:	155,517,018,417	(76,388,982,422)	157,221,104,621	(76,388,882,422)
<i>Thu bàn giao</i>	-	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 6</i>	27,893,362,959	(27,893,362,959)	27,893,362,959	(27,893,362,959)
<i>Phải thu khác</i>	127,623,655,458	(48,495,619,463)	129,327,741,662	(48,495,519,463)
Dài hạn	299,616,365,275	-	299,216,365,275	-
Ký cược, ký quỹ	8,837,178,097	-	8,837,178,097	-
Ban QLDA Thái Hà	284,535,326,978	-	258,939,504,206	-
Các khoản khác	6,243,860,200	-	31,439,682,972	-
<b>Tổng</b>	<b>494,687,184,234</b>	<b>(81,522,666,440)</b>	<b>496,259,792,325</b>	<b>(81,597,566,440)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.6 Nợ xấu**

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	358,352,623,888	110,316,267,735	232,371,581,392	(15,664,774,761)
Trong đó nợ xấu của Công ty mẹ và các công ty con:		Quá hạn trên 01 năm	Quá hạn trên 02 năm	Quá hạn trên 03 năm
TCT Cổ phần Sông Hồng (Công ty mẹ)				(229,491,834,462)
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long				(1,543,079,994)
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng				
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng				(4,129,905,478)
Công ty TNHH MTV Cơ giới và xây dựng Sông Hồng				(7,068,841,543)
CT TNHH MTV Sông Hồng An Dương				(5,802,694,676)
<b>Tổng</b>		-	-	<b>(248,036,356,153)</b>

**5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền mặt	-	1,929,004,781	-	1,929,004,781
Hàng tồn kho	-	1,551,464,824	-	1,551,464,824
Tài sản cố định	-	499,172,496	-	499,172,496
Tài sản khác	-	265,929,537	-	265,929,537
<b>Tổng</b>	-	<b>4,245,571,638</b>	-	<b>4,245,571,638</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18,944,486	-	18,944,486	-
Công cụ, dụng cụ	32	-	32	-
Chi phí SXKD dở dang	378,456,803,249	-	379,149,309,822	-
Thành phẩm nhập kho	-	-	-	-
Hàng hóa Bất động sản (ii)	38,780,000,000	-	38,780,000,000	-
<b>Tổng</b>	<b>417,255,747,767</b>	-	<b>417,948,254,340</b>	-

(ii): Khoản tiền Tổng Công ty chi ra để mua lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý nên vẫn đang theo dõi khoản tiền này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục Người mua trả tiền trước trên Báo cáo tài chính, số tiền 38.780.000.000 VND.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3,261,434,534</b>	<b>3,280,083,114</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	3,261,434,534	3,280,083,114
<b>Dài hạn</b>	<b>13,046,638,510</b>	<b>14,077,780,352</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	244,289,390	244,289,390
Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng	933,333,320	1,133,333,320
Lợi thế thương mại phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp		
- Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội	11,054,095,767	11,885,237,609
- Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222,475,343	222,475,343
Chi phí trả trước dài hạn khác	592,444,690	592,444,690
<b>Tổng</b>	<b>16,308,073,044</b>	<b>17,357,863,466</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.10 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2019	Số phải nộp trong Kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/03/2019
<b>Phải nộp</b>	<b>26,934,534,163</b>	<b>2,471,209,613</b>	<b>490,662,678</b>	<b>28,915,081,098</b>
Thuế giá trị gia tăng	20,867,316,039	2,179,774,913	250,959,999	22,796,130,953
Thuế thu nhập doanh nghiệp	297,027,288	24,931	-	297,052,219
Thuế thu nhập cá nhân	328,196,628	170,890,853	117,183,763	381,903,718
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất tiền thuê đất	2,315,524,400	103,599,855	103,599,855	2,315,524,400
Thuế khác	373,417,980	(2,000,000)	-	371,417,980
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2,753,051,828	18,919,061	18,919,061	2,753,051,828
<b>Phải thu</b>	<b>2,580,406,509</b>	<b>2,479,050,140</b>	<b>-</b>	<b>101,356,369</b>
Thuế giá trị gia tăng vãng lai	2,479,050,140	2,479,050,140	-	-
Thuế TNDN nộp thừa	92,821,146	-	-	92,821,146
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8,535,223	-	-	8,535,223

**5.11 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm tin học	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	10,700,000	10,700,000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/03/2019	<b>10,700,000</b>	<b>10,700,000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	10,700,000	10,700,000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/03/2019	<b>10,700,000</b>	<b>10,700,000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2019	-	-
Tại 31/03/2019	-	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.12 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	20,055,650,992	42,843,843,429	15,076,953,779	1,019,950,648	78,996,398,848
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán					
Tài sản thiếu chờ xử lý					
Giảm do thoái vốn công ty con					
Số dư tại 31/03/2019	20,055,650,992	42,843,843,429	15,076,953,779	1,019,950,648	78,996,398,848
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	15,387,409,998	39,373,751,060	13,265,385,165	791,074,536	68,817,620,759
Tăng trong năm	162,932,899	500,341,956	407,866,713	-	1,071,141,568
Khấu hao trong năm	162,932,899	500,341,956	407,866,713	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm do thoái vốn tại Công ty con					
Tài sản thiếu chờ xử lý					
Số dư tại 31/03/2019	15,550,342,897	39,874,093,016	13,673,251,878	791,074,536	69,888,762,327
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2019	4,668,240,994	3,470,092,369	1,811,568,614	228,876,112	10,178,778,089
Tại 31/03/2019	4,505,308,095	2,969,750,413	1,403,701,901	228,876,112	9,107,636,521



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn****a) Đầu tư khác**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư khác</b>	<b>12,259,113,942</b>	<b>(1,700,000,000)</b>	<b>12,259,113,942</b>	<b>(1,700,000,000)</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1,038,110	-	1,038,110	-
Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	1,264,586,273	-	1,264,586,273	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500,000,000	-	500,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	4,063,089,559	-	4,063,089,559	-
Công ty CP Sông Hồng 9	2,000,000,000	-	2,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6)	1,700,000,000	(1,700,000,000)	1,700,000,000	(1,700,000,000)
Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long	1,490,400,000	-	1,490,400,000	-
Công ty Cổ phần Reenco Hòa Bình	240,000,000	-	240,000,000	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát	1,000,000,000	-	1,000,000,000	-
<b>Tổng</b>	<b>12,259,113,942</b>	<b>(1,700,000,000)</b>	<b>12,259,113,942</b>	<b>(1,700,000,000)</b>

Đơn vị tính: VND

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	31/03/2019	<i>Đơn vị tính: VND</i> 01/01/2019
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>	<b>79,951,395,593</b>	<b>79,951,395,593</b>
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	44,463,966,930	44,463,966,930
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	16,348,827,194	16,348,827,194
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	8,030,536,408	8,030,536,408
Công ty CP Đầu tư TM và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	4,711,850,417	4,711,850,417
Công ty CP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	3,591,154,868	3,591,154,868
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	1,217,842,057	1,217,842,057
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	648,026,584	648,026,584
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	480,912,114	480,912,114
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	344,772,685	344,772,685
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	113,506,336	113,506,336

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019, số liệu lấy theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018.

**5.14 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>37,744,547,192</b>	<b>37,690,169,192</b>
- Khách sạn Royal Sông Hồng (ii)	35,602,635,193	35,602,635,193
- Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2	-	-
- Dự án Khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật	-	-
- Dự án Lĩnh Nam	322,006,182	267,628,182
- Các dự án khác	1,819,905,817	1,819,905,817
<b>Tổng</b>	<b>37,744,547,192</b>	<b>37,690,169,192</b>

(iii): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện kéo dài hơn so với kế hoạch (18 tháng). Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 20/09/2017 của Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép Tổng Công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a, Ngắn hạn</b>	<b>304,516,621,245</b>	<b>-</b>	<b>311,205,559,471</b>	<b>-</b>
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	42,101,417,851	-	53,632,329,162	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	30,955,610,389	-	25,074,712,444	-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	18,041,860,622	-	18,041,860,622	-
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	28,493,447,615	-	28,493,447,615	-
Các công ty khác	184,924,284,768	-	185,963,209,628	-
<b>b, Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>304,516,621,245</b>	<b>-</b>	<b>311,205,559,471</b>	<b>-</b>

**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a, Ngắn hạn</b>	<b>149,913,004,806</b>	<b>149,913,004,806</b>	<b>150,418,841,761</b>	<b>150,418,841,761</b>
Dự án biệt thự Tây Hồ	38,780,000,000	38,780,000,000	38,780,000,000	38,780,000,000
Công ty CP Tập đoàn dược phẩm VIMDIMEX	-	-	-	-
Các đối tượng khác	111,133,004,806	111,133,004,806	111,638,841,761	111,638,841,761
<b>b, Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>149,913,004,806</b>	<b>149,913,004,806</b>	<b>150,418,841,761</b>	<b>150,418,841,761</b>

**5.17 Chi phí phải trả**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>623,221,559,938</b>	<b>600,992,059,938</b>
Chi phí lãi vay phải trả	280,388,150,729	258,528,150,729
Trích trước giá vốn công trình (iv)	341,434,085,940	341,434,085,940
Chi phí phải trả khác	1,399,323,269	1,029,823,269
<b>Dài hạn</b>	<b>29,339,344,633</b>	<b>29,339,344,633</b>
Lãi vay phải trả	29,339,344,633	29,339,344,633
<b>Tổng</b>	<b>652,560,904,571</b>	<b>630,331,404,571</b>

(iv) Chi phí trích trước vào giá vốn các công trình chưa có hóa đơn GTGT và chưa được Tổng Công ty và Công ty con quyết toán tại ngày 31/03/2019.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.18 Phải trả khác**

	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>120,082,590,079</b>	<b>118,149,217,226</b>
Kinh phí công đoàn	944,529,167	962,748,023
Bảo hiểm xã hội	5,288,495,731	5,143,137,080
Bảo hiểm y tế	715,933,702	702,311,357
Bảo hiểm thất nghiệp	167,370,320	162,657,170
Phải trả về CP hóa	4,176,729,883	4,176,729,883
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120,477,647	120,477,647
Phải trả, phải nộp khác	108,669,053,629	106,881,156,066
<b>Dài hạn</b>	<b>260,314,273,709</b>	<b>262,314,273,709</b>
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3	227,573,438,212	227,573,438,212
Dự án Thái Hà chờ quyết toán		
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	174,205,096	174,205,096
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư Ban Quản lý Dự án Thái Hà	30,498,000,000	30,498,000,000
Phải trả tiền ký quỹ để làm sổ đỏ biệt thự D3	210,000,000	210,000,000
Phải trả phải nộp dài hạn khác	1,740,230,401	3,740,230,401
<b>Tổng</b>	<b>380,396,863,788</b>	<b>380,463,490,935</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	Phát sinh trong kỳ				Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	31/03/2019	01/01/2019	Tăng	Giảm		
	Giá trị	Giá trị			Giá trị	Giá trị
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>108,385,273,101</b>	<b>108,385,273,101</b>	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	67,378,692,253					
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	34,221,454,880					
Vay đối tượng khác	6,785,125,968					
<b>Nợ đến hạn trả</b>	<b>191,809,390,313</b>	<b>191,809,390,313</b>	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (vi)	191,809,390,313					
<b>Vay dài hạn</b>	<b>600,000,000</b>	<b>600,000,000</b>	-	-	-	-
Đối tượng khác	600,000,000					
<b>Tổng</b>	<b>300,794,663,414</b>	<b>300,794,663,414</b>	-	-	-	-

(vi): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn. Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đại Dương chi nhánh Hà Tĩnh chưa có văn bản thỏa thuận gia hạn khoản vay trên.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	270.000.000,000	24.126.376,429	-	(390.000,000)	27.278,928,479	25,981,000	6,710,417,519	(486,716,461,218)	(11,783,894,020)	(170,748,651,811)
Tăng trong năm	-	-	1,072,018,933	-	-	-	-	-	-	1,072,018,933
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	-	1,072,018,933	-	-	-	-	-	-	1,072,018,933
Giảm trong năm	-	-	-	-	(865,425,906)	-	(552,280,987)	(405,206,848,330)	(8,690,709,730)	(415,315,264,953)
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(382,862,344,112)	(4,682,885,731)	(387,545,229,843)
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	(865,425,906)	-	-	-	(4,007,823,999)	(4,873,249,905)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(552,280,987)	(22,344,504,218)	-	(2,896,785,205)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>270.000.000,000</b>	<b>24.126.376,429</b>	<b>1.072.018,933</b>	<b>(390.000,000)</b>	<b>26.413.502,573</b>	<b>25,981,000</b>	<b>6,158,136,532</b>	<b>(891,923,309,548)</b>	<b>(20,474,603,750)</b>	<b>(584,991,897,831)</b>
Số dư tại 01/01/2019	270.000.000,000	24.126.376,429	1,072,018,933	(390,000,000)	26,413,502,573	25,981,000	6,158,136,532	(891,923,309,548)	(20,474,603,750)	(584,991,897,831)
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(23,225,495,499)	(128,559,626)	(23,354,055,125)
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(23,225,495,499)	(128,559,626)	(23,354,055,125)
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/03/2019</b>	<b>270.000.000,000</b>	<b>24.126.376,429</b>	<b>1.072.018,933</b>	<b>(390.000,000)</b>	<b>26.413.502,573</b>	<b>25,981,000</b>	<b>6,158,136,532</b>	<b>(915,148,805,047)</b>	<b>(20,603,163,376)</b>	<b>(608,345,952,956)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	132,412,000,000	132,412,000,000
Phan Việt Anh	40,219,780,000	40,219,780,000
Phạm Thị Phương Thúy	29,874,000,000	29,874,000,000
Lã Tuấn Hưng	25,000,000,000	25,000,000,000
Cổ đông khác	42,494,220,000	42,494,220,000
<b>Tổng</b>	<b>270,000,000,000</b>	<b>270,000,000,000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	270,000,000,000	270,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm (vii)	-	65,219,780,000
Vốn góp giảm trong năm (viii)	-	65,219,780,000
Vốn góp tại cuối năm	270,000,000,000	270,000,000,000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

(vii) Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2017 bằng cách chào bán cổ phần riêng lẻ (cổ phiếu phổ thông) để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

(viii) Thoái vốn tại Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng.

**d. Cổ phiếu**

	31/03/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,000,000	27,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26,413,502,573	26,413,502,573
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25,981,000	25,981,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6,158,136,532	6,158,136,532
<b>Tổng</b>	<b>32,597,620,105</b>	<b>32,597,620,105</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15,903,590,874	131,859,388
Doanh thu bán hàng		7,924,055,050
Doanh thu hợp đồng xây dựng		3,602,727,272
<b>Tổng</b>	<b>15,903,590,874</b>	<b>11,658,641,710</b>

**5.23 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14,685,552,233	346,121,551
Giá vốn hàng bán		7498844007
Giá vốn của hợp đồng xây dựng		3,530,135,279
<b>Tổng</b>	<b>14,685,552,233</b>	<b>11,375,100,837</b>

**5.24 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	106,072,801	218,727,746
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		2,505,979,427
Lãi chậm trả từ nợ phải thu		
<b>Tổng</b>	<b>106,072,801</b>	<b>2,724,707,173</b>

**5.25 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Lãi tiền vay	21,860,000,000	6,714,082,883
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(514,286,928)	
<b>Tổng</b>	<b>21,345,713,072</b>	<b>6,714,082,883</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.26 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>		<b>1,000,000</b>
Chi phí nhân viên		-
Chi phí khấu hao		-
Chi phí bằng tiền khác		1,000,000
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>4,551,277,977</b>	<b>5,829,043,858</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2,284,743,766	3,524,924,652
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28,273,874	74,039,571
Chi phí đồ dùng văn phòng	201,924,000	20,276,365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,049,021,818	1,052,656,977
Thuế phí và lệ phí	16,323,573	30,016,832
Chi phí dự phòng	-	69,013,817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107,955,958	264,581,382
Chi phí khác bằng tiền	863,034,988	793,534,262
<b>Tổng</b>	<b>4,551,277,977</b>	<b>5,830,043,858</b>

**5.27 Thu nhập khác và Chi phí khác**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Bồi hoàn công cụ, dụng cụ	39,690,230	
Phí thầu chính, thầu phụ	-	
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ		
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng		513,456,818
Thu nhập tiền thương hiệu	-	
Thu nhập khác	1,332,766,212	1,263,174,000
<b>Tổng</b>	<b>1,372,456,442</b>	<b>1,776,630,818</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí chuyển nhượng dự án		
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê		317,550,502
Ngân hàng thu lãi phạt	-	
Chi phí phạt theo quyết định của tòa án	-	
Chi phí khác	39,565,284	35,291,587
<b>Tổng</b>	<b>39,565,284</b>	<b>352,842,089</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>1,332,891,158</b>	<b>1,423,788,729</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a) Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019</b>	
		<b>VND</b>	
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	Lương, thù lao	323,500,000	

**b) Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>			
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Bán hàng	194,183,880	194,183,880
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	Bán hàng	-	-
<b>Tổng</b>		<b>194,183,880</b>	<b>194,183,880</b>
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Thuê thi công	-	-
Công ty cổ phần xây dựng số 1 sông Hồng	Thuê thi công	4,444,726,363	-
<b>Tổng</b>		<b>4,444,726,363</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/03/2019 VND</b>	<b>01/01/2019 VND</b>
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	205,990,037	205,990,037
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	13,776,454	13,776,454
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khách hàng	13,505,443,049	13,505,443,049
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khách hàng	573,870,335	573,870,335
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3,897,962,892	3,897,962,892
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu khách hàng	460,501,447	460,501,447
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	1,929,686,382	1,929,686,382
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác	24,180,283,813	24,180,283,813
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	Phải thu khác	3,320,000,000	3,320,000,000
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác	8,747,653,581	8,747,653,581
<b>Tổng</b>		<b>56,835,167,990</b>	<b>56,835,167,990</b>
		<b>31/03/2019 VND</b>	<b>01/01/2019 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung</b>		
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Trả trước người bán	-	-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6,000,000,000	6,000,000,000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7,100,654,421	7,100,654,421
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2,800,000,000	2,800,000,000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Trả trước người bán	126,390,086,131	126,390,086,131
<b>Tổng</b>		<b>142,290,740,552</b>	<b>142,290,740,552</b>
		<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung</b>		
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Trả trước người bán	-	1.143.596.893
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	-	1.307.203.000
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7.100.654.421	7.100.654.421
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Trả trước người bán	126.390.086.131	126.390.086.131
<b>Tổng</b>		<b>142.290.740.552</b>	<b>144.741.540.445</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****c) Số dư với các liên quan khác**

Bên liên quan	Nội dung	31/03/2019	01/01/2019
		VND	VND
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	58,147,155,665	53,632,329,162
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả người bán	30,955,610,389	25,074,712,444
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	5,937,157,555	5,937,157,555
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	18,041,860,622	18,041,860,622
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	-	-
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	Phải trả người bán	-	-
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6,644,357,996	6,644,357,996
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	1,275,927,812	1,275,927,812
<b>Tổng</b>		<b>121,002,070,039</b>	<b>110,606,345,591</b>
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả khác	-	-
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả khác	-	-
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**6.2 Thông tin khác**

- (i) Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng 11, 12, 13 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chi tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ngày 03/05/2018, Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc: Quyết toán diện tích phân chia thực tế Dự án và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.
- (ii) Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông Hồng. Đến hết tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô. Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018.
- (iii) Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

### 6.3 Cam kết về đầu tư khác

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.
- (ii) Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

### 6.4 Nợ phải trả và Nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh

Tại thời điểm 31/03/2018, Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng như sau:

- (i) Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).
- (ii) Tòa sơ thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 52/2018/TLST-KDTM và 53/2018/TLST-KDTM ngày 12/01/2018 của Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương và Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng theo cam kết bảo lãnh với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền là 85,5 tỷ đồng (nợ gốc 67,58 tỷ đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính là 17,919 tỷ đồng).

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Diệu Thúy

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng